

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II TIN 12 NĂM HỌC 2024- 2025

Bài 13. Khái niệm, vai trò của CSS

Câu 1: CSS viết tắt của từ nào trong tiếng Anh?

- A. Cascading Style Sheets
- B. Cascading Script Sheets
- C. Color Style Sheets
- D. Cascading Style Systems

Câu 2: Trong cấu trúc CSS, phần nào xác định các thẻ HTML nào sẽ được áp dụng định dạng?

- A. Vùng mô tả
- B. Thuộc tính
- C. Bộ chọn
- D. Giá trị

Câu 3: Đoạn mã nào sau đây là ví dụ về CSS với nhiều quy định trong vùng mô tả?

- A. `h1 {color: red;}`
- B. `p {text-indent: 15px; color: blue;}`
- C. `div {background: yellow;}`
- D. `a {font-size: 14px;}`

Câu 4: Cách nào không phải là một cách thiết lập CSS?

- A. CSS trong
- B. CSS ngoài
- C. CSS nội tuyến
- D. CSS tích hợp

Câu 5: Để kết nối tệp CSS với tệp HTML, có thể sử dụng thẻ nào trong phần <head>?

- A. <script>
- B. <style>
- C. <link>
- D. <import>

Câu 6: Cấu trúc của một mẫu định dạng CSS đơn giản nhất bao gồm phần nào?

- A. Chỉ bộ chọn
- B. Chỉ vùng mô tả
- C. Bộ chọn và vùng mô tả
- D. Bộ chọn, vùng mô tả và thuộc tính

Câu 7: Cách nào cho phép định dạng CSS trực tiếp trong các phần tử HTML?

- A. CSS trong
- B. CSS ngoài
- C. CSS nội tuyến
- D. CSS liên kết

Câu 8: Câu lệnh CSS định dạng tất cả các thẻ <h1>, <h2>, <h3> cùng một lúc thế nào?

- A. h1 h2 h3 {color: red;}
- B. h1, h2, h3 {color: red;}
- C. h1 h2, h3 {color: red;}
- D. h1 h2 h3 {color: red;}

Câu 9: Mẫu định dạng nào dưới đây là CSS nội tuyến?

- A. <style> p {color: green;} </style>
- B. <link rel="stylesheet" href="styles.css">
- C. <p style="color: green;">Text</p>
- D. h1 {color: green;}

Câu 10: Tại sao việc sử dụng CSS có lợi hơn việc định dạng HTML trực tiếp?

- A. CSS không cần phải viết mã
- B. CSS giúp tách nội dung và định dạng, giảm công việc và tăng tính đồng nhất
- C. CSS làm cho trang web không cần thiết phải định dạng
- D. CSS không hỗ trợ đa dạng kiểu định dạng

Câu 11: Xác định tính đúng sai của các phát biểu sau:

- a) CSS là viết tắt của "Cascading Style Sheets", là một ngôn ngữ độc lập với HTML để thiết lập các mẫu định dạng cho trang web.
- b) Cấu trúc tổng quát của một mẫu định dạng CSS bao gồm bộ chọn và vùng mô tả, với vùng mô tả chứa ít nhất một quy định.
- c) CSS chỉ có thể được thiết lập qua tệp CSS ngoài, không thể được sử dụng nội tuyến trong các thẻ HTML.
- d) Một tệp CSS có thể được áp dụng cho nhiều trang web, giúp đồng bộ hóa định dạng và tiết kiệm thời gian chỉnh sửa.

Câu 12: Xác định tính đúng sai của các phát biểu sau:

- a) CSS nội tuyến là cách thiết lập CSS trực tiếp trong thẻ HTML bằng thuộc tính style.
- b) Để kết nối tệp CSS ngoài với tệp HTML, có thể sử dụng thẻ <link> hoặc lệnh @import.
- c) Cấu trúc CSS đơn giản nhất chỉ bao gồm bộ chọn mà không cần vùng mô tả.
- d) CSS trong là cách đưa toàn bộ mẫu định dạng vào bên trong thẻ <style> và đặt trong phần <head> của tệp HTML.

Bài 14: Định dạng văn bản bằng CSS

Câu 1: CSS có thể định dạng phông chữ như thế nào?

- A. font-family
- B. font-size
- C. font-weight
- D. Tất cả các ý trên

Câu 2: Định dạng nào sau đây được sử dụng để thiết lập màu chữ trong CSS?

- A. color
- B. font-color

C. text-color

D. background-color

Câu 3: Trong CSS, thuộc tính line-height dùng để:

A. Định nghĩa chiều cao của phần tử

B. Thiết lập khoảng cách giữa các dòng văn bản

C. Định nghĩa độ rộng của chữ

D. Thiết lập khoảng cách giữa các ký tự

Câu 4: Để căn lề dòng đầu tiên của đoạn văn bản trong CSS, ta dùng thuộc tính nào?

A. text-align

B. Margin

C. text-indent

D. padding

Câu 5: Tính kế thừa trong CSS có nghĩa là gì?

A. Một thuộc tính chỉ áp dụng cho một phần tử cụ thể

B. Một thuộc tính CSS áp dụng cho phần tử cha cũng được áp dụng cho các phần tử con, cháu

C. CSS chỉ áp dụng cho phần tử cuối cùng trong cây DOM

D. Không có sự kế thừa trong CSS

Câu 6: Trong CSS, thuộc tính text-align: center; dùng để:

A. Căn lề trái cho văn bản

B. Căn lề phải cho văn bản

C. Căn giữa văn bản

D. Căn đều hai bên văn bản

Câu 7: Ký hiệu trong CSS có nghĩa là gì?

A. Áp dụng cho các phần tử đặc biệt

B. Áp dụng cho tất cả các phần tử HTML

C. Chỉ áp dụng cho phần tử cha

D. Không có ý nghĩa gì trong CSS

Câu 8: Thuộc tính nào ưu tiên cao nhất trong CSS khi sử dụng cùng với !important?

A. color

B. font-size

C. Margin

D. Tất cả các thuộc tính với !important

Câu 9: Phần tử nào sau đây không phải là loại phông chữ trong CSS?

A. Serif

B. Sans-serif

C. Monospace

D. Symbolic

Câu 10: Để thiết lập chiều cao dòng bằng 150% của chiều cao dòng phần tử cha:

- A. line-height: 150%;
- B. line-height: 1.5;
- C. line-height: 150px;
- D. Cả a và b đều đúng

Câu 11: Đánh dấu Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

- a) CSS có thể định dạng phông chữ bằng cách sử dụng thuộc tính font-family.
- b) Phông chữ Monospace trong CSS có chiều rộng các ký tự khác nhau.
- c) Thuộc tính color trong CSS có thể được sử dụng để thiết lập màu nền của phần tử.
- d) CSS cho phép thiết lập độ dày nét chữ bằng thuộc tính font-weight.

Câu 12: Đánh dấu Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

- a) Trong CSS, thuộc tính line-height dùng để thiết lập khoảng cách giữa các đường cơ sở của các dòng văn bản.
- b) Thuộc tính text-indent được sử dụng để căn giữa văn bản.
- c) Khi nhiều mẫu định dạng CSS áp dụng cho một phần tử HTML, thuộc tính được viết sau cùng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- d) Ký hiệu !important trong CSS giúp tăng độ ưu tiên của một thuộc tính, bất kể thứ tự của nó trong tệp CSS.

Bài 15: Tạo màu cho chữ và nền

Câu 1: Hệ màu nào trong CSS để biểu diễn màu sắc bằng ba giá trị số từ 0 đến 255?

- A. CMYK
- B. RGB
- C. HS
- D. HEX

Câu 2: Thuộc tính CSS nào được sử dụng để định dạng màu chữ?

- A. background-color
- B. Color
- C. Border
- D. font-color

Câu 3: Trong hệ màu HSL, giá trị nào biểu thị độ bão hòa của màu?

- A. H (Hue)
- B. S (Saturation)
- C. L (Lightness)
- D. A (Alpha)

Câu 4: Thuộc tính CSS nào sau đây không có tính kế thừa?

- A. color
- B. background-color
- C. Border
- D. font-size

Câu 5: Mã màu hexa #ff0000 biểu thị màu gì trong hệ RGB?

- A. Màu xanh lá cây
- B. Màu xanh dương
- C. Màu đỏ
- D. Màu đen

Câu 6: Bộ chọn CSS định dạng cho các phần tử <p> là con trực tiếp của <div>?

- A. div p
- B. div > p
- C. div + p
- D. div ~ p

Câu 7: Mã rgb(0, 255, 0) đại diện cho màu nào trong hệ màu RGB?

- A. Màu đỏ
- B. Màu xanh lá cây
- C. Màu xanh dương
- D. Màu vàng

Câu 8: Để tất cả văn bản trong trang web có màu xám, sử dụng thuộc tính CSS nào?

- A. background-color: gray;
- B. border: gray;
- C. color: gray;
- D. font-color: gray;

Câu 9: Trong CSS, thuộc tính background-color được sử dụng để làm gì?

- A. Định dạng màu viền
- B. Định dạng màu nền
- C. Định dạng màu chữ
- D. Định dạng cỡ chữ

Câu 10: Để áp dụng một màu cụ thể cho tất cả các phần tử HTML trong trang, sử dụng bộ chọn CSS nào?

- A. body
- B. *
- C. Html
- D. all

Câu 11: Phát biểu sau đây đúng hay sai về Hệ màu CSS và các thuộc tính màu?

- a) Hệ màu RGB sử dụng ba giá trị từ 0 đến 255 để biểu diễn màu sắc.
- b) Mã màu hexa #rrggbb trong CSS biểu diễn màu sắc bằng hệ thập phân.
- c) Hệ màu HSL trong CSS có ba thành phần: Hue, Saturation, và Brightness.
- d) Thuộc tính background-color được sử dụng để thiết lập màu chữ.

Câu 12: Đánh dấu đúng hay sai về các bộ chọn CSS và ứng dụng của chúng?

- a) Bộ chọn div p áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử <p> là con trực tiếp của <div>.

- b) Bộ chọn `div > p` áp dụng định dạng cho các phần tử `<p>` là con trực tiếp của `<div>`.
- c) Bộ chọn `em + strong` áp dụng định dạng cho phần tử `<strong>` ngay sau phần tử `<em>`.
- d) Bộ chọn `h1 ~ p` áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử `<p>` sau phần tử `<h1>`, không cần phải là con trực tiếp của nó.

Bài 16: Định dạng khung

Câu 1: Phần tử khối trong HTML thường có đặc điểm gì?

- A. Luôn nằm trong một phần tử khác
- B. Không có chiều rộng cố định
- C. Bắt đầu từ đầu hàng và kéo dài suốt chiều rộng của trang web
- D. Luôn là phần tử inline

Câu 2: Thuộc tính `display: none;` trong CSS có tác dụng gì?

- A. Chuyển phần tử thành phần tử inline
- B. Chuyển phần tử thành phần tử block
- C. Ẩn phần tử mà không hiển thị trên trang web
- D. Chuyển phần tử thành phần tử nội tuyến

Câu 3: Các thuộc tính khung trong CSS không áp dụng được cho loại phần tử nào?

- A. Phần tử khối
- B. Phần tử nội tuyến
- C. Phần tử block
- D. Phần tử với ID cụ thể

Câu 4: Để định dạng một nhóm phần tử có cùng ý nghĩa, ta nên sử dụng bộ chọn nào?

- A. ID
- B. Class
- C. Inline
- D. Block

Câu 5: Mỗi phần tử HTML có thể có bao nhiêu ID?

- A. Nhiều ID
- B. Một ID
- C. Không có ID
- D. Tùy thuộc vào phần tử

Câu 6: Khi đặt tên cho ID và class, điều nào không đúng?

- A. Tên phải phân biệt chữ hoa và chữ thường
- B. Tên bắt đầu bằng số
- C. Không chứa dấu cách và các ký tự đặc biệt
- D. Phải có ít nhất một ký tự không phải là số

Câu 7: Bộ chọn CSS với ID được viết như thế nào?

- A. `.idname {thuộc tính: giá trị;}`
- B. `#idname {thuộc tính: giá trị;}`

C. id=idname {thuộc tính: giá trị;}

D. .id {thuộc tính: giá trị;}

Câu 8: Trong HTML, các phần tử bảng được tạo bằng thẻ nào?

A. <div>

B. <p>

C. <table>

D.

Câu 9: Để định dạng ô tiêu đề trong bảng HTML, ta sử dụng thẻ nào?

A. <td>

B. <th>

C. <tr>

D. <caption>

Câu 10: Phần tử có thể thuộc nhiều class bằng cách nào?

A. Dùng dấu phẩy giữa các tên class

B. Dùng dấu chấm giữa các tên class

C. Đặt các tên class cách nhau bởi dấu cách

D. Không thể có nhiều class

Câu 11: Đánh dấu Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho mỗi ý sau:

a) Phần tử khối thường bắt đầu từ đầu hàng và kéo dài suốt chiều rộng của trang web.

b) Phần tử nội tuyến có thể chứa các phần tử khối.

c) Thuộc tính display: none; làm ẩn phần tử trên trang web.

d) Tất cả các phần tử HTML đều thuộc loại phần tử khối.

Câu 12: Đánh dấu Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho mỗi ý sau:

a) Phần tử khối có thể thiết lập khung với đầy đủ tính chất như chiều cao và chiều rộng.

b) Phần tử nội tuyến có thể thiết lập chiều cao và chiều rộng của khung.

c) Các thuộc tính liên quan đến khung có tính kế thừa.

d) Bộ chọn lớp (class) được sử dụng để định dạng chung cho nhóm phần tử có cùng ý nghĩa.

Câu 13: Có thể thiết lập định dạng khung định dạng khung cho các phần tử bằng CSS. Các thông số chính của khung gồm lề khung (margin), khung (border), vùng đệm (padding), chiều cao (height), chiều rộng (width). Các ý sau đây đúng hay sai?

a) Thuộc tính margin là lề khung, cho biết khoảng cách từ đường viền ngoài của khung đến văn bản xung quanh.

b) Thuộc tính padding là vùng đệm, cho biết độ dày của đường viền khung.

c) Thuộc tính border có thể gán đồng thời các giá trị: độ dày đường viền, kiểu đường viền và màu viền khung.

d) Đoạn CSS sau tạo một hộp div có viền khung là nét đứt có độ dày 3px: div {border: 3px solid red;}.

Bài 17: Các mức ưu tiên của bộ chọn

Câu 1: Pseudo-class được sử dụng để:

- A. Định nghĩa kiểu chữ đặc biệt
- B. Tạo các lớp giả định của phần tử HTML
- C. Thay đổi màu nền của trang web
- D. Tạo hiệu ứng động cho các hình ảnh

Câu 2: Cú pháp đúng để áp dụng pseudo-element trong CSS là:

- A. ::pseudo-element {thuộc tính : giá trị ;}
- B. pseudo-element {thuộc tính : giá trị ;}
- C. :pseudo-element {thuộc tính : giá trị ;}
- D. ::pseudo-class {thuộc tính : giá trị ;}

Câu 3: Trong trường hợp có nhiều mẫu định dạng CSS áp dụng cho cùng một phần tử, quy tắc nào được áp dụng?

- A. Mẫu định dạng đầu tiên trong tệp CSS
- B. Mẫu định dạng có thuộc tính màu sắc
- C. Mẫu định dạng có trọng số cao nhất
- D. Mẫu định dạng có thứ tự cuối cùng

Câu 4: Trọng số CSS không bao gồm yếu tố nào sau đây?

- A. Số lượng ID
- B. Số lượng class
- C. Số lượng thẻ HTML
- D. Số lượng thuộc tính

Câu 5: Pseudo-class :hover được sử dụng để:

- A. Thay đổi nội dung của phần tử khi nhấn vào
- B. Ẩn phần tử khi trang được tải
- C. Thay đổi kiểu chữ khi chuột di chuyển qua
- D. Tạo hiệu ứng động khi trang cuộn

Câu 6: Nguyên tắc ưu tiên trong CSS được xác định bằng:

- A. Thứ tự xuất hiện của các quy tắc trong tệp CSS
- B. Số lượng phần tử trong trang HTML
- C. Số lượng liên kết trong tệp CSS
- D. Tính kế thừa và trọng số của các bộ chọn

Câu 7: Pseudo-element ::before thường được sử dụng để:

- A. Thêm nội dung trước phần tử
- B. Thay đổi màu nền của phần tử
- C. Thêm đường viền cho phần tử
- D. Thay đổi kích thước của phần tử

Câu 8: Trọng số của một mẫu định dạng CSS được xác định dựa trên:

- A. Vị trí của tệp CSS trong trang
- B. Số lượng các kiểu chữ khác nhau
- C. Số lượng ID, class và thẻ HTML
- D. Số lượng các màu sắc được sử dụng

Câu 9: Nếu một phần tử HTML có cả ID và class, mẫu định dạng nào sẽ được ưu tiên?

- A. Mẫu định dạng với ID
- B. Mẫu định dạng với class
- C. Mẫu định dạng được viết sau cùng
- D. Mẫu định dạng với thuộc tính màu sắc

Câu 10: Pseudo-class :first-child được sử dụng để:

- A. Áp dụng định dạng cho phần tử đầu tiên trong một nhóm
- B. Áp dụng định dạng cho phần tử cuối cùng trong một nhóm
- C. Áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử trong nhóm
- D. Áp dụng định dạng cho phần tử duy nhất trong nhóm

Câu 11: Phát biểu về kiểu bộ chọn pseudo-class và pseudo-element sau đúng hay sai?

- a) Bộ chọn pseudo-class (lớp giả) được viết sau dấu hai chấm (:) theo cú pháp: :pseudo-class {thuộc tính: giá trị;}.
- b) Bộ chọn pseudo-element (phần tử giả) được viết sau dấu hai chấm kép (::) theo cú pháp: ::pseudo-element {thuộc tính: giá trị;}.
- c) Pseudo-class mô tả các trạng thái đặc biệt của phần tử HTML, còn pseudo-element mô tả các phần nhỏ hơn của phần tử HTML.
- d) Trong CSS, các lớp giả và phần tử giả đều có thể định dạng các trạng thái và phần tử của HTML.

Câu 12: Phát biểu sau đây đúng hay sai về mức độ ưu tiên khi áp dụng CSS?

- a) Trong CSS, tính kế thừa và quy định về thứ tự cuối cùng (cascading) có mức ưu tiên cao hơn trọng số của bộ chọn.
- b) Khi có nhiều mẫu định dạng CSS có thể áp dụng cho một phần tử HTML, mẫu CSS có trọng số cao nhất sẽ được ưu tiên áp dụng.
- c) Quy định về thứ tự ưu tiên của CSS được mô tả trong Bảng 17.3 và tính trọng số của CSS được mô tả trong Bảng 17.4.
- d) Trọng số của mẫu định dạng CSS được tính bằng tổng giá trị trọng số của các phần tử trong bộ chọn CSS.

Bài 18: Thực hành tổng hợp thiết kế trang web

Câu 1: Trang web cần có ít nhất bao nhiêu trang chính theo bài học?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 2: Tệp CSS được sử dụng trong thiết kế web để làm gì?

- A. Định dạng văn bản
- B. Định dạng hình ảnh
- C. Định dạng trang web
- D. Định dạng âm thanh

Câu 3: Trong ví dụ của bài học, slogan được đặt trong bao nhiêu ô trên một hàng?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 4: Lớp CSS nào được tạo để hiển thị các ô theo chiều ngang?

- A. block_3
- B. Row
- C. Slogan
- D. Content

Câu 5: Phần đầu trang của website gồm mấy phần chính theo Hình 18.2?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 6: Lớp "block_3" được dùng để định dạng gì?

- A. Hình ảnh
- B. Văn bản
- C. Các ô có độ rộng bằng nhau
- D. Banner

Câu 7: Để các ô được xếp theo hàng ngang, cần định nghĩa lớp CSS nào?

- A. Row
- B. block_3
- C. Content
- D. Header

Câu 8: Website có thể sử dụng những tài nguyên nào để minh họa?

- A. Chỉ ảnh
- B. Chỉ video
- C. Chỉ văn bản
- D. Ảnh và video

Câu 9: Cách trình bày nhiều ô trong cùng một hàng giúp gì cho trang web?

- A. Tăng tốc độ tải trang
- B. Tạo sự cân đối và hài hoà khi hiển thị
- C. Giảm dung lượng trang

D. Tăng số lượng trang

Câu 10: Để mọi người đăng ký tham gia câu lạc bộ, trang web cần có thêm trang nào?

A. Trang chủ

B. Trang giới thiệu

C. Trang liên hệ

D. Trang chứa biểu mẫu đăng ký

Câu 1: Chọn Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

a) Website cần có một trang chủ và các trang riêng cho từng nhóm hoặc câu lạc bộ.

b) Tất cả các trang của website đều phải tuân theo phong cách trình bày chung thông qua liên kết tới cùng một tệp tin CSS.

c) Các trang thành viên không cần thiết phải có thông tin chi tiết về lịch hoạt động của câu lạc bộ.

d) Trang web không cần có trang chứa biểu mẫu để đăng ký tham gia các câu lạc bộ.

Câu 2: Chọn Đúng hoặc Sai cho các phát biểu sau:

a) Mỗi thành phần của trang web như đầu trang, nội dung chính, cuối trang, banner, slogan,... nên được định nghĩa bằng một lớp CSS riêng.

b) Banner trong phần đầu trang có thể sử dụng ảnh làm nền và tiêu đề của trang web với cỡ chữ nhỏ.

c) Để hiển thị các ô theo phương ngang trong phần slogan, lớp Row có độ rộng bằng độ rộng trang được sử dụng.

d) Các ô trong lớp "block_3" sẽ được xếp theo chiều dọc nếu không có lớp Row bao quanh.

Bài 19: Dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy tính

Câu 1: Công việc nào sau đây liên quan tới phần mềm?

A. Thay màn hình có độ phân giải cao hơn.

B. Kiểm soát và duy trì hoạt động của máy tính.

C. Phát hiện nguyên nhân hỏng thiết bị để biết liệu có thể sửa, thay thế hay cấu hình lại.

D. Đảm bảo kết nối máy tính vào mạng.

Câu 2: Người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính cần thực hiện một số công việc chính liên quan đến yếu tố nào sau đây?

A. Phần cứng, phần mềm, hỗ trợ người dùng.

B. Phần cứng, hệ điều hành Microsoft Windows, hỗ trợ người dùng.

C. Phần cứng, phần mềm, người dùng.

D. Ổ đĩa cứng, phần mềm, hỗ trợ người dùng.

Câu 3: Người làm nghề sửa chữa, bảo trì máy tính cần phải có kiến thức nào sau đây?

A. Kiến thức về hệ điều hành.

B. Kiến thức về lập trình.

C. Kiến thức về cơ sở dữ liệu.

D. Kiến thức marketing.

Câu 4: Ngành học nào sau đây KHÔNG liên quan tới nhóm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?

- A. Thiết kế đồ họa.
- B. Công nghệ kĩ thuật phần cứng máy tính.
- C. Công nghệ kĩ thuật phần mềm máy tính.
- D. Công nghệ thông tin.

Câu 5: Ngành đào tạo nào sau đây KHÔNG liên quan đến ngành nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?

- A. Thương mại điện tử.
- B. Kĩ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính.
- C. Công nghệ kĩ thuật phần cứng máy tính.
- D. Công nghệ kĩ thuật phần mềm máy tính.

Câu 6: Công việc nào sau đây liên quan tới hỗ trợ người dùng của người sửa chữa và bảo trì máy tính?

- A. rà soát an toàn của hệ thống bằng cách quét mã độc và cấu hình phần mềm phòng chống virus.
- B. Nâng cấp hoặc bổ sung thiết bị như thay ổ cứng hoặc RAM có dung lượng lớn hơn, hoặc lắp thêm thiết bị mạng.
- C. Hướng dẫn người dùng sử dụng các phần mềm thông dụng.
- D. Cài đặt, cấu hình các phần mềm thông dụng như hệ điều hành, cấu hình mạng và các ứng dụng văn phòng.

Câu 7: Để làm nghề sửa chữa, bảo trì máy tính cần những kiến thức chung nào?

- A. Kiến thức về phần cứng; kiến thức về phần mềm; kiến thức về giải quyết vấn đề.
- B. Kiến thức về phần cứng; kiến thức về phần mềm; kiến thức về giao tiếp.
- C. Kiến thức về phần cứng; kiến thức về phần mềm; kiến thức về mạng.
- D. Kiến thức về giao tiếp; kiến thức về giải quyết vấn đề; kiến thức về quản lí thời gian.

Câu 8: Để nâng cao hiệu quả và năng suất làm việc, người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính cần có những kĩ năng mềm nào?

- A. Kĩ năng học hỏi, cập nhật kiến thức; kĩ năng giải quyết vấn đề; kĩ năng về mạng; kĩ năng quản lí thời gian.
- B. Kĩ năng học hỏi, cập nhật kiến thức; kĩ năng phần mềm; kĩ năng giao tiếp; kĩ năng quản lí thời gian.
- C. Kĩ năng phần cứng; kĩ năng giải quyết vấn đề; kĩ năng giao tiếp; kĩ năng quản lí thời gian.
- D. Kĩ năng học hỏi, cập nhật kiến thức; kĩ năng giải quyết vấn đề; kĩ năng giao tiếp; kĩ năng quản lí thời gian.

Câu 9: Công việc nào sau đây liên quan tới phần cứng?

- A. Cài đặt hệ điều hành, cấu hình mạng và các ứng dụng văn phòng.
- B. Lắp đặt, sửa chữa hoặc thay thế các linh kiện máy tính bị hỏng.
- C. rà soát an toàn của hệ thống bằng cách quét mã độc và cấu hình phần mềm phòng chống

virus.

D. Hướng dẫn người dùng sử dụng máy tính và thiết bị công nghệ thông tin đúng cách và hiệu quả.

Câu 10: Người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính có nhiều công việc liên quan đến phần cứng, phần mềm và hỗ trợ người dùng. Họ phải kiểm soát và duy trì hoạt động của máy tính, xác định và khắc phục lỗi phần cứng, nâng cấp hoặc bổ sung linh kiện. Ngoài ra, họ còn cài đặt, cập nhật, cấu hình phần mềm, thiết lập kết nối mạng, bảo vệ hệ thống khỏi virus. Một phần công việc khác là hướng dẫn người dùng sử dụng phần mềm đúng cách để người dùng thuận lợi hơn. Dựa vào mô tả trên, hãy xác định các phát biểu sau là đúng hay sai?

- a) Một chuyên viên sửa chữa máy tính cần hiểu về mạng máy tính để thiết lập và khắc phục các sự cố kết nối.
- b) Một kỹ thuật viên sửa chữa máy tính cần phải có kiến thức sâu rộng không chỉ về phần cứng mà còn về phần mềm, các hệ thống mạng và khả năng chẩn đoán các lỗi phức tạp, giải quyết các vấn đề phần mềm, bảo mật và hệ điều hành.
- c) An là một kỹ thuật viên sửa chữa và bảo trì máy tính trong công ty, An thực hiện triển khai, bảo trì và tối ưu hóa hệ thống mạng nội bộ (LAN, WAN), cấu hình router, switch, bảo mật mạng và phân phối IP, quản lý hệ thống SQL, tối ưu hóa truy vấn, sao lưu dữ liệu.
- d) Người làm bảo trì máy tính chỉ cần thay thế linh kiện hỏng, không cần tìm hiểu nguyên nhân gây lỗi.

Bài 20: Nhóm nghề quản trị trong ngành Công nghệ thông tin

Câu 1: Để thực hiện tốt những công việc của mình, người làm việc trong nhóm nghề quản trị trong ngành Công nghệ thông tin cần phải có những kiến thức nào?

- A. Kiến thức về Mạng máy tính; Kiến thức về Bảo mật thông tin; Kiến thức về Quản trị hệ thống; Kiến thức về Luật pháp và tuân thủ quy định.
- B. Kiến thức về phần mềm; Kiến thức về Bảo mật thông tin; Kiến thức về Quản trị hệ thống; Kiến thức về Luật pháp và tuân thủ quy định.
- C. Kiến thức về phần cứng; Kiến thức về Bảo mật thông tin; Kiến thức về Quản trị hệ thống; Kiến thức về Luật pháp và tuân thủ quy định.
- D. Kiến thức về hỗ trợ người dùng; Kiến thức về Bảo mật thông tin; Kiến thức về Quản trị hệ thống; Kiến thức về Luật pháp và tuân thủ quy định.

Câu 2: Người làm việc trong nhóm nghề quản trị trong ngành Công nghệ thông tin cần phải có kiến thức về Quản lý hệ thống, đó là những kiến thức nào sau đây?

- A. Nắm được các phương thức tấn công mạng, như tấn công từ chối dịch vụ (DoS) và tấn công dò lỗ hổng (Vulnerability scanning). Biết cách triển khai và quản lý hệ thống phát hiện xâm nhập (Intrusion Detection System - IDS) và hệ thống phòng thủ tường lửa.
- B. Có kiến thức sâu về quản lý hệ điều hành, bao gồm việc cài đặt, cấu hình và duy trì hệ thống. Nắm được cách xử lý hiệu quả các sự cố hệ thống, sửa lỗi phần mềm và phần cứng và đảm bảo sự ổn định của hệ thống.

C. Nắm được cấu trúc và hoạt động của mạng máy tính, bao gồm giao thức mạng, phân tích lưu lượng mạng và các thiết bị mạng. Có khả năng cấu hình và quản lí mạng, bao gồm cài đặt và bảo mật các thiết bị mạng như router và firewall.

D. Có hiểu biết về tuân thủ luật pháp, các quy định, cũng như các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành về bảo mật thông tin và an ninh mạng.

Câu 3: Với sự bùng nổ của công nghệ thông tin và lan tỏa mạnh mẽ của số hóa, các tổ chức đang đặc biệt quan tâm và chú trọng vào việc quản lí và bảo vệ thông tin của họ. Điều này làm tăng nhu cầu về chuyên gia trong lĩnh vực nào?

A. Quản trị mạng; Bảo mật hệ thống phần cứng; Quản trị và bảo trì hệ thống.

B. Quản trị mạng; Bảo mật hệ thống thông tin; Quản trị và bảo trì phần mềm.

C. Quản trị mạng; Bảo mật hệ thống thông tin; Quản trị và bảo trì hệ thống.

D. Quản lí phần cứng; Bảo mật hệ thống thông tin; Quản trị và bảo trì hệ thống.

Câu 4: Những người làm việc trong lĩnh vực quản trị của ngành Công nghệ thông tin làm những công việc chính nào sau đây ?

A. Quản trị mạng; Bảo mật hệ thống thông tin; Quản trị và bảo trì hệ thống.

B. Hỗ trợ người dùng; Bảo mật hệ thống thông tin; Quản trị và bảo trì hệ thống.

C. Quản trị mạng; Bảo mật hệ thống phần cứng; Quản trị và bảo trì hệ thống.

D. Quản trị mạng; Bảo mật hệ thống thông tin; Quản trị và bảo trì phần mềm.

Câu 5: Những ngành học nào sau đây có liên quan tới nhóm nghề quản trị trong ngành Công nghệ thông tin?

A. Quản trị mạng máy tính; Quản trị hệ thống; An ninh mạng; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và cài đặt phần mềm.

B. Quản trị mạng máy tính; Quản lí phần cứng; An ninh mạng; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu.

C. Quản trị máy tính; Quản trị hệ thống; An ninh mạng; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu.

D. Quản trị mạng máy tính; Quản trị hệ thống; An ninh mạng; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu.

Câu 6: Để nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, người làm nghề quản trị thuộc ngành Công nghệ thông tin cần các kĩ năng mềm nào?

A. Kĩ năng về Mạng máy tính; Kĩ năng quản lí thời gian; Kĩ năng tự nghiên cứu, học hỏi, cập nhật kiến thức.

B. Kĩ năng về Luật pháp và tuân thủ quy định; Kĩ năng quản lí thời gian; Kĩ năng tự nghiên cứu, học hỏi, cập nhật kiến thức.

C. Kĩ năng giao tiếp; Kĩ năng về Bảo mật thông tin; Kĩ năng tự nghiên cứu, học hỏi, cập nhật kiến thức.

D. Kĩ năng giao tiếp; Kĩ năng quản lí thời gian; Kĩ năng tự nghiên cứu, học hỏi, cập nhật kiến thức.

Câu 7: Nhóm nghề quản trị trong ngành công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc

duy trì và tối ưu hóa các hệ thống mạng, máy chủ, cơ sở dữ liệu và bảo mật. Các chuyên gia quản trị đảm bảo rằng hệ thống công nghệ của công ty luôn hoạt động ổn định, bảo vệ dữ liệu, ngăn ngừa sự cố và nâng cao hiệu suất làm việc. Các phát biểu sau đây về nhóm nghề này đúng hay sai?

- a) Nhu cầu về chuyên gia bảo mật tăng do các phương thức tấn công mạng ngày càng phức tạp.
- b) Chuyên gia bảo mật hệ thống thông tin tập trung vào phát hiện các mối đe dọa và bảo vệ dữ liệu.
- c) Việc sử dụng các công cụ hiện đại như AI không cần thiết trong quản trị và bảo trì hệ thống.
- d) An là một người quản trị và bảo trì hệ thống trong công ty kinh doanh trực tuyến, anh ấy thường xuyên cập nhật phần mềm, hệ điều hành và các bản vá bảo mật cho các máy chủ và thiết bị mạng giúp ngăn ngừa các lỗ hổng bảo mật và đảm bảo hệ thống luôn được bảo vệ trước các mối đe dọa từ hacker.

Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số

Câu 1: Thiết bị nào sau đây KHÔNG phải là thiết bị hiển thị?

- A. Ti vi.
- B. Máy chiếu.
- C. Tai nghe.
- D. Bảng cảm ứng.

Câu 2: Cổng kết nối nào sau đây thường được sử dụng để kết nối thiết bị hiển thị với máy tính?

- A. USB.
- B. Ethernet.
- C. Bluetooth.
- D. HDMI.

Câu 3: Chế độ "Extend" trên màn hình mở rộng cho phép:

- A. Chỉ sử dụng màn hình máy tính.
- B. Hiển thị cùng một hình ảnh trên cả hai màn hình.
- C. Tắt màn hình máy tính và chỉ sử dụng màn hình mở rộng.
- D. Mở rộng không gian làm việc bằng cách sử dụng màn hình bổ sung.

Câu 4: Để kết nối máy tính với điện thoại qua Bluetooth, bạn cần làm gì đầu tiên?

- A. Truyền tệp từ máy tính.
- B. Bật Bluetooth trên cả hai thiết bị.
- C. Xác nhận kết nối trên điện thoại.
- D. Ghép đôi thiết bị.

Câu 5: Khi truyền tệp từ máy tính sang điện thoại qua Bluetooth, bước nào là cần thiết?

- A. Mở bảng chọn Bluetooth và chọn "Send a file".
- B. Xác nhận kết nối trên máy tính.
- C. Đăng ký thiết bị lên đám mây.
- D. Bật Bluetooth trên máy tính.

Câu 6: Nhà thông minh (Smart Home) có thể điều khiển các thiết bị qua:

- A. Wi-Fi.
- B. Bluetooth và Wi-Fi.
- C. Bluetooth.
- D. Cáp tín hiệu.

Câu 7: Khi nào bạn nên sử dụng chế độ "Duplicate" trên màn hình mở rộng?

- A. Khi trình bày nội dung cho nhiều người.
- B. Khi chỉ cần làm việc với màn hình máy tính.
- C. Khi muốn sử dụng màn hình mở rộng thay cho màn hình máy tính chính.
- D. Khi làm việc đa nhiệm.

Câu 8: Để kết nối điện thoại với một bộ công tắc thông minh qua Internet, bạn cần thực hiện bước nào trước tiên?

- A. Thiết lập chế độ làm việc của công tắc.
- B. Đăng ký thiết bị lên đám mây.
- C. Cài đặt phần mềm điều khiển.
- D. Kết nối thiết bị với mạng cục bộ.